

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH B1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2020/HS-ST

Ngày: 16 – 4 – 2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH B1**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Tố Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Ngũ Minh Luận

- Bà Lê Thị Nguyệt

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Trung Tín, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh B1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh B1 tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh B1, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Trần Dũng N, sinh năm 1982 tại tỉnh C; nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện C1, tỉnh C; trình độ văn hoá: 09/12; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt N; tôn giáo: Không; giới tính: N; con ông Trần Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị P (đã chết); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/10/2019 cho đến nay.

2. Lê Văn H, sinh năm 1989 tại tỉnh C; nơi cư trú: Ấp Ông D, xã Đ, huyện N1, tỉnh C; trình độ văn hoá: 09/12; nghề nghiệp: Buôn bán; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt N; tôn giáo: Không; giới tính: N; con ông Lê Văn H1 (đã chết) và bà Phạm Thị Đ1, sinh năm 1970 có vợ Lê Thúy Q, sinh năm 1989 và có 01 con, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/10/2019 đến ngày 11/11/2019 được thay thế bằng biện pháp đặt tiền để bảo đảm cho đến nay.

3. Trần Văn B, sinh năm 1985 tại tỉnh C; nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện C1, tỉnh C; trình độ văn hoá: 09/12; nghề nghiệp: Công nhân; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: N; con ông Trần Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị P (đã chết); tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 37/2019/HSST ngày 14/02/2019 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Dĩ An, tỉnh B1 xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 26 tháng 4 năm 2019.

Nhân thân: Bản án số 191/2011/HSST ngày 26/7/2011 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh B1 xử phạt 30 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/4/2013; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/10/2019 đến nay.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Ông Đỗ Văn D1, sinh năm 1985; nơi cư trú: Xã Q, huyện C2, tỉnh B2, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1981; nơi thường trú: Xã T2, huyện V, tỉnh B3; tạm trú: khu phố C2, phường T3, thành phố D1, tỉnh B1, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Đức Th, sinh năm 2000; nơi cư trú: Ấp T3, xã T4, huyện P, tỉnh C, vắng mặt.

3. Bà Chu Thị N, sinh năm 1987; hộ khẩu thường trú: Thôn 4, xã T4, huyện T5, tỉnh Q; tạm trú: Phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Thành phố H3, vắng mặt.

- *Người chứng kiến*:

Bà Thạch Thị Thanh Kh, ông Đào Văn S, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 08/10/2019, ông Đỗ Văn D1 điều khiển xe mô tô biển số 61D1-960.01 đến quán cà phê Ba Khía thuộc khu phố 3, phường An Phú, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh B1 để uống cà phê. Khi đến quán cà phê, ông D1 để xe mô tô nói trên ở gần vũng rồi nằm ngủ đến khoảng 03 giờ 00 phút cùng ngày thức dậy thì phát hiện xe mô tô của mình bị mất nên đến Công an phường An Phú trình báo. Đến khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, Công an phường An Phú nhận được thông báo của Đội 4, phòng Cảnh sát hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh về việc đã bắt giữ được đối tượng trộm cắp tài sản cùng tang vật là xe mô tô biển số 61D1-960.01 nên Công an thị xã (nay là thành phố) Thuận An tiếp nhận hồ sơ và các đối tượng để xử lý theo thẩm quyền.

Sau khi tiếp nhận tin báo, Công an phường An Phú tiến hành trích xuất hình ảnh camera an ninh tại quán cà phê Ba Khía và phát hiện Trần Dũng N có đặc điểm giống đối tượng trộm cắp xe mô tô biển số 61D1-960.01 vào ngày 08/10/2019 tại quán cà phê Ba Khía nên tiến hành mời về trụ sở làm việc. Qua làm việc Trần Dũng N khai nhận: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 07/10/2019, N đến quán cà phê Ba Khía để uống nước và ngủ lại, đến khoảng 01 giờ 00 phút ngày 08/10/2019 thì ông D1 điều khiển xe mô tô nói trên đến dừng ở gần vũng nơi ông D1 ngủ. Đến khoảng 01 giờ 30 phút cùng ngày, N thức dậy thấy ông D1 vẫn còn ngủ, do không có tiền tiêu xài nên N đã nảy sinh ý định trộm cắp xe của ông D1 để bán lấy tiền tiêu xài. N đi qua vũng ông D1 đang nằm, thấy chìa khóa xe để trên người ông D1 nên N lấy chìa khóa rồi cắm vào ổ khóa xe nhưng do xe

có gắn thiết bị báo động, N sợ bị phát hiện nên tắt khóa, đẩy xe ra khỏi quán rồi đẩy bộ đến nhà trọ của Lê Văn H tại khu phố Hòa Lân 2, phường Thuận Giao, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh B1 và nói cho H biết xe mô tô này do trộm cắp mà có, H đẩy xe mô tô trên vào phòng trọ xong lấy xe mô tô biển số 69K1-306.17 đi đến khu vực gần Công ty Thông Dụng chở Trần Văn B (là em ruột của N) về phòng trọ của H. Khi đến nhà trọ, H nói cho B biết sự việc N lấy trộm được chiếc xe mô tô và nói B giải quyết thì B nói mang xe mô tô này xuống khu vực Thành phố Hồ Chí Minh tìm chỗ bán thì H đồng ý. B điều khiển xe mô tô biển số 61D1-960.01 còn H điều khiển xe mô tô biển số 69K1-306.17 đi đến đường Nguyễn Chí Thanh, Phường 4, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị lực lượng tuần tra kiểm tra phát hiện, qua làm việc B và H khai nhận toàn bộ sự việc như trên.

Theo Kết luận định giá tài sản ngày 15/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã (nay là thành phố) Thuận An xác định trị xe mô tô kiểu dáng Sirius, màu đen, biển số 61D1-960.01; số máy: E3T6E388175; số khung: 1710JY263674 có trị giá 16.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 57/CT-VKS-TA ngày 03/02/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã (nay là Thành phố) Thuận An, tỉnh B1 đã truy tố các bị cáo: Trần Dũng N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Lê Văn H và Trần Văn B về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1, Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

- Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Dũng N từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều Điều 323; điểm i, s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 06 tháng đến 08 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều Điều 323; điểm s, khoản 1, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Văn B từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

- Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, thống nhất tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Trần Dũng N, Lê Văn H và Trần Văn B tại phiên tòa thống nhất với lời khai của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người chứng kiến tại Cơ quan Điều tra, và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 08/10/2019, tại quán cà phê Ba Khía thuộc khu phố 3, phường An Phú, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh B1, bị cáo Trần Dũng N lén lút chiếm đoạt xe mô tô biển số 61D1-960.01 của ông Đỗ Văn D1 có trị giá 16.000.000 đồng. Sau đó đem giao cho bị cáo Lê Văn H đồng thời nói cho bị cáo H biết xe trên do bị cáo N trộm cắp mà có và nhờ bị cáo H mang đi tiêu thụ. Bị cáo H đã báo cho bị cáo B biết và thống nhất cùng bị cáo B đem xe đi tiêu thụ ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh. Khi bị cáo H và bị cáo B đang đi tìm nơi tiêu thụ tại đường Nguyễn Chí Thanh, Phường 4, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị phát hiện, bắt giữ cùng tang vật.

Hành vi của bị cáo Trần Dũng N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hành vi của các bị cáo Lê Văn H và Trần Văn B đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thuận An đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm nhưng vì động cơ tư lợi, các bị cáo vẫn thực hiện. Bị cáo N lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản rồi lén lút chiếm đoạt tài sản của họ. Các bị cáo H và B sau khi biết tài sản do N phạm tội mà có nhưng vẫn tìm cách mang đi tìm nơi tiêu thụ. Hành vi của bị cáo N trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, hành vi của các bị cáo H và B trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, trật tự pháp luật, gây khó khăn cho công tác điều tra, xử lý tội phạm. Hành vi của các bị cáo còn gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Lỗi của các bị cáo là cố ý trực tiếp, do đó cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Bị cáo N là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Đối với các bị cáo H và B phạm tội “Tiêu thụ tài

sản do người khác phạm tội mà có” có vai trò đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công cụ thể. Bị cáo H tuy là người gọi điện cho bị cáo B đến nhưng ý thức thực hiện hành vi thụ động. Bị cáo B là người chủ động tìm và thực hiện hành vi tìm nơi tiêu thụ nên vai trò của bị cáo B cao hơn bị cáo H. Mặt khác, bị cáo B có nhân thân xấu, từng bị Tòa án xử phạt về hành vi phạm tội, không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội, thể hiện bản chất nguy hiểm cho xã hội. Do đó, hình phạt của bị cáo B cũng phải cao hơn bị cáo H.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Ngày 14/02/2019, bị cáo B bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Dĩ An, tỉnh B1 xét xử về hành vi “Đánh bạc”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Các bị cáo N và H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm I, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo N phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm h, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo H có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân là trụ cột trong gia đình, con còn nhỏ, vợ đang mang thai; bị cáo còn có ông nội là thương binh hạng 4/4; bị cáo N được bị hại Đỗ Văn D1 xin giảm nhẹ hình phạt là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2, Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[8] Lời đề nghị mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo H và bị cáo B là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên chấp nhận. Riêng đối với bị cáo N còn nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử điều chỉnh cho phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ thể hiện đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra thu giữ:

01 xe mô tô biển số 61D1-960.01 là tài sản của ông Đỗ Văn D1, ông D1 nhờ ông Nguyễn Văn T1 đứng tên đăng ký xe, ông T1 không có ý kiến gì về chiếc xe này; 01 xe mô tô biển số 69K1-306.17 là tài sản của ông Nguyễn Đức Th, ông Th cho bị cáo H mượn, không biết bị cáo H sử dụng làm phương tiện

phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại các xe nói trên cho chủ sở hữu là đúng quy định.

Đối với 01 USB do bà Chu Thị N giao nộp bên trong có chứa dữ liệu liên quan đến vụ án, bà N không yêu cầu nhận lại USB trên nên sẽ lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[12] Đối với số tiền đặt để đảm bảo theo Quyết định số 23 ngày 08/11/2019 về việc áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm và Thông báo số 23 ngày 08/11/2019 về việc thông báo cho đặt tiền để bảo đảm của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh B1 sẽ được xử lý khi bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 10, Chương III của Thông tư liên tịch số 06/2018/TTLT-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 07/8/2018.

[13] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Dũng N.

- Khoản 1 Điều Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Văn H.

- Khoản 1 Điều Điều 323; điểm s, khoản 1, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Văn B.

- Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

- Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trần Dũng N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn H và Trần Văn B phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt bị cáo Trần Dũng N 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/10/2019.

Xử phạt bị cáo Lê Văn H 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/10/2019 đến ngày 11/11/2019.

Xử phạt bị cáo Trần Văn B 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/10/2019.

2. Về án phí:

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B1;
- VKSND tỉnh B1;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Công an thành phố Thuận An;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tố Uyên

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH B1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút ngày 14 tháng 6 năm 2020;

Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh B1.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tố Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

.....
.....

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo Trần Dũng N, sinh năm 1982 tại tỉnh C; nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện C1, tỉnh C cùng đồng phạm.

Căn cứ vào các Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên trong hội đồng thống nhất.

2. Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Điều tra Công an thành phố Thuận An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, Kiểm sát viên thu thập; do bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp đều hợp pháp.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên trong hội đồng thống nhất.

3. Về tội danh:

Bị cáo Trần Dũng N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Các bị cáo Lê Văn H và Trần Văn B phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên trong hội đồng thống nhất.

4. Về điều luật áp dụng:

- Khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Dũng N.

- Khoản 1 Điều Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Văn H.

- Khoản 1 Điều Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Văn B.

- Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;
- Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên trong hội đồng thống nhất.

5. Về mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo Trần Dũng N tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/10/2019.

Xử phạt bị cáo Lê Văn H thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/10/2019 đến ngày 11/11/2019.

Xử phạt bị cáo Trần Văn B thời hạn tù tính từ ngày 09/10/2019.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên trong hội đồng thống nhất.

6. Bị cáo không thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên trong hội đồng thống nhất.

7. Hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng pháp luật.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên trong hội đồng thống nhất.

8. Các vấn đề khác:

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên trong hội đồng thống nhất.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

